

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG PHONG DƯƠNG**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG PHONG DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHONG DUONG TECHNOLOGY AND COMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHONG DUONG TC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107983306

**3. Ngày thành lập:** 31/08/2017

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5 đường Nguyễn Trãi, Thị Trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978731743

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                   | <b>Mã ngành</b> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ;                                                                                                                                    | 4649            |
| 2.         | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ; | 4759            |
| 3.         | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;                        | 6209            |
| 4.         | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                 | 4632            |
| 5.         | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                | 7420            |
| 6.         | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                         | 4763            |
| 7.         | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                           | 4764            |
| 8.         | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                | 6202            |
| 9.         | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm;                                                                                                                                                | 5920            |
| 10.        | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                              | 6201            |
| 11.        | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;                                                                                                                                            | 6312            |
| 12.        | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                 | 4652            |

|     |                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức hội nghị hội thảo, giới thiệu và xúc tiến thương mại, game show, liveshow ca nhạc; | 8230        |
| 14. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;                                                                         | 7410        |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                               | 4651        |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                               | 4932        |
| 17. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;                                               | 9000        |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                         | 7310(Chính) |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                          | 7320        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                               | 4931        |
| 21. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                  | 4633        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;                                | 4659        |
| 23. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;                                                    | 5610        |
| 24. | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết: Sản xuất phần mềm, phần mềm trò chơi điện tử và các phần mềm quản lý khác;                                         | 5820        |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                    | 4933        |
| 26. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                          | 4761        |
| 27. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                        | 4762        |
| 28. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc                                                              | 7110        |
| 29. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                     | 3100        |
| 30. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                           | 1622        |
| 31. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                 | 1621        |
| 32. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                          | 8219        |
| 33. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                          | 1629        |
| 34. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình;                | 5911        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:****8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN CHUYÊN | Thôn Thụy Ứng, Xã Hòa Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 001088007855                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ XUÂN LÂM       | Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 70.000     | 700.000.000           | 35,000    | 112291216                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 70.000     | 700.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN TIẾN QUÂN  | Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 70.000     | 700.000.000           | 35,000    | 112305739                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 70.000     | 700.000.000           | 35,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊU XUÂN LÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/07/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 112291216

Ngày cấp: 04/01/2013

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Nhị Khê, Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội